TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2017
"V/v Tranh chấp ly hôn giữa chị L và anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Thanh Chúc.
2. Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXX-ST ngày 07/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Trúc L, sinh năm 1972 (Có mặt).
Địa chỉ: phường T, quận C, thành phố C.
Bị đơn: Anh Thạch Phanh N, sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2017, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1996 chị và anh Thạch Phanh N có xác lập quan hệ hôn nhân, năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh C (nay là phường T, quận C, thành phố C). Thời gian chung sống anh N không có trách nhiệm lo gia đình mà lừa dối chị hết lần này đến lần khác, bắt đầu từ năm 2002 cụ thể là anh N gây ra nợ, chị phải lo trả nợ cho anh N nhiều lần, anh N không thành thật với chị, chị không còn tình cảm với anh N cho đến năm 2012 thì vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Thạch Tạ Nha L, sinh ngày 16/6/1997 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng có căn nhà nhưng năm 2004 vợ chồng đã bán để trả nợ, hiện nay không còn tài sản gì để chia.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Thạch Phanh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị L ly hôn anh N. Về con chung đã trưởng thành, tài sản và nợ chung không có, không xem xét. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa chị L và anh N là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh N đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn anh Thạch Phanh N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh N.

[2] *Về hôn nhân*: Giữa chị L và anh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh C là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị L và anh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị L xin ly hôn anh N, nhận thấy theo lời khai của chị L thì năm 2002 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hay cải vã, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không còn sống chung nhau từ năm 2012. Về phía anh N, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để giải quyết quan hệ của vợ chồng, thể hiện anh N không quan tâm, chăm sóc nhau, không còn khả năng đoàn tụ, nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị L yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Thạch Tạ Nha L, sinh ngày 16/6/1997 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Tạ Trúc L được ly hôn anh Thạch Phanh N.

2. Về con chung: Thạch Tạ Nha L, sinh ngày 16/6/1997 đã trưởng thành.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Tạ Trúc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010703 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND phường T,quận C, TP C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Tranh